

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2026
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Huy Tiến.
- Bà Vũ Thị Hồng Cẩm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 138/2026/TLST-HNGĐ ngày 04/02/2026 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988. Địa chỉ thường trú: Số H, Khu Ô, Khu phố A, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Hồ Hoàng T1, sinh năm 1982. Địa chỉ thường trú: Số H, Khu Ô, Khu phố A, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Lan T2, Tổ D, Khu phố B, phường H, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Hoàng T1 tiến đến hôn nhân. Bà T và ông T1 đăng ký kết hôn ngày 13/3/2020 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi kết hôn, bà T và ông T1 chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến đầu năm 2024, bà T và ông T1 phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà T xác định không còn tình cảm với ông

T1. Nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Hồ Hoàng T1.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Hoàng T1 có 01 con chung tên Hồ Hoàng Minh Đ, sinh ngày 07/10/2019. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu giao con chung cho ông Hồ Hoàng T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Hoàng T1 không có mặt trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Hồ Hoàng T1.

Về con chung: Giao con chung tên Hồ Hoàng Minh Đ, sinh ngày 07/10/2019 cho ông Hồ Hoàng T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không tranh chấp nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với ông Hồ Hoàng T1, đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông Hồ Hoàng T1 cư trú tại nhà trọ N, Tổ D, Khu phố B, phường H, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và ông Hồ Hoàng H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Hoàng T1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2020 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hồ Chí Minh), đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Bà Nguyễn Thị T cho rằng giữa bà T và ông T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà T xác định tình cảm không còn và ông T1. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ ông T1 tham gia tố tụng nhưng ông T1 luôn vắng mặt, điều đó cho thấy ông T1 cũng không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm với bà T. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Bà T và ông T1 không tìm ra được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông T1 có 01 con chung tên Hồ Hoàng Minh Đ, sinh ngày 07/10/2019. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu giao con chung cho ông Hồ Hoàng T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Hồ Hoàng T1 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Hồ Hoàng T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hồ Hoàng Minh Đ, sinh ngày 07/10/2019 cho ông Hồ Hoàng T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Hoàng T1 đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Hoàng T1 không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009231 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18 - Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thế Chính

